

Bản án số: **44/2023/DS-ST**
Ngày: 24-5-2023
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Anh Tài
2. Bà Mai Thị Nhắc

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Hồng Thắm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. *(Có mặt)*.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1962 và ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1962; Cùng cư trú: Ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Ông N uỷ quyền cho bà X tham gia tố tụng theo văn bản uỷ quyền ngày 12/5/2023. *(Bà X có mặt)*.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1963; Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Bà Toàn uỷ quyền cho chị Nguyễn Thị Hồng N tham gia tố tụng theo văn bản uỷ quyền ngày 08/5/2023.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Năm 2015, chị đại diện hộ kinh doanh (Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 55D8 002785) có thoả thuận bán thức ăn chăn nuôi heo cho vợ chồng ông Nguyễn Văn N1 và bà Nguyễn Thị X. Hai bên thoả thuận bằng lời nói, nội

dung thoả thuận là ông N1, bà X kêu thức ăn thì bên chị giao đến nhà, mỗi bên giữ một cuốn sổ để theo dõi, khi heo xuất chuồng (khoảng 06 tháng), ông N1, bà X có nghĩa vụ thanh toán tất tiền thức ăn của đợt heo đó. Quá trình thực hiện hợp đồng, khoảng một năm đầu, ông N1, bà X thanh toán đủ, những năm tiếp theo ông N1, bà X không thanh toán đủ. Ngày 28/02/2023 âm lịch, nhằm ngày 18/4/2023 dương lịch, hai bên tổng kết nợ, phía ông N1, bà X còn nợ chị tổng số tiền là 205.209.000 đồng. Cùng ngày 18/4/2023, ông N1, bà X trả cho chị được 30.000.000 đồng nên số nợ còn lại là 175.209.000 đồng.

Bà Phạm Thị T là mẹ ruột của chị thay chị giao dịch trực tiếp với khách hàng. Do bận công việc gia đình và con cái nên cuối tuần chị mới về nhà kiểm tra sổ sách và nhắc nhở khách hàng trả nợ.

Nay chị yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn N1 và bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ liên đới trả cho chị số tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi heo tổng cộng là 175.209.000 (một trăm bảy mươi lăm triệu hai trăm lẻ chín nghìn) đồng và yêu cầu trả lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 18/4/2023 đến ngày 18/5/2023 là một tháng, thành tiền là 1.454.000 (một triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn) đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị X, đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn N1 trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa như sau:

Bà thống nhất như lời trình bày của phía nguyên đơn về nội dung thoả thuận, quá trình giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi heo giữa hai bên, sổ sách tổng kết nợ và chữ ký xác nhận nợ của bà trong sổ của nguyên đơn giao nộp cho Toà án. Bà thừa nhận bà và ông Nguyễn Văn N1 còn nợ chị N tổng số tiền mua thức ăn chăn nuôi heo là 175.209.000 (một trăm bảy mươi lăm triệu hai trăm lẻ chín nghìn) đồng. Bà và ông N1 đồng ý liên đới trả cho chị N số tiền trên. Tuy nhiên do hiện nay kinh tế của bà và ông N1 gặp khó khăn, heo chưa ra chuồng nên ông bà không có tiền để trả ngay. Khi nào ông bà bán heo sẽ thanh toán một phần khoản nợ trên cho chị N và chưa một phần để trả cho người bán thức ăn hiện tại. Phần còn lại bà và ông N1 tiếp tục trả cho chị N khi có tiền. Ngoài ra, bà xin không trả lãi do việc nuôi heo bị thua lỗ, không có tiền trả vốn nên không có khả năng trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi ên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, người đại diện theo uỷ quyền của đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản

3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị N có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Văn N1 và bà Nguyễn Thị X có nơi cư trú tại ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào quan hệ pháp luật tranh chấp và nơi cư trú của bị đơn xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của chị N về việc buộc ông N1 và bà X có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc tổng cộng là 175.209.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận định: Chị N và vợ chồng ông N1, bà X có thoả thuận mua bán thức ăn chăn nuôi heo từ năm 2015, hai bên thoả thuận bằng lời nói, hình thức mua bán là khi bên ông N1, bà X kêu thức ăn thì chị N cho người giao đến nhà. Quá trình mua bán, bên ông N1 và bà X không thanh toán đủ tiền mua thức ăn mà còn nợ lại. Đến ngày 18/4/2023, hai bên tổng kết nợ, ông N1 và bà X còn nợ chị N tổng số tiền là 175.209.000 đồng và hai bên chấm dứt mua bán với nhau. Tất cả các nội dung trên đều được các bên đương sự thống nhất thừa nhận. Như vậy, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông N1 và bà X là vợ chồng, cùng tham gia giao dịch để làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Tại phiên tòa, bà X là bị đơn, đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của chồng bà là ông N1 cũng đồng ý liên đới trả cho chị N số tiền trên. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của chị N về việc buộc ông N1 và bà X có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ lãi tổng cộng là 1.454.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận định: Ông N1 và bà X đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng nên ông bà phải có nghĩa vụ trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 3 Điều 440 của Bộ luật Dân sự. Hợp đồng mua bán tài sản giao kết giữa chị N và vợ chồng ông N1, bà X không thoả thuận về lãi chậm trả nên mức lãi suất được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Chị N yêu cầu tính lãi của số tiền 175.209.000 đồng từ ngày 18/4/2023 đến ngày 18/5/2023 với mức lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền 1.454.000 đồng, là phù hợp với các quy định nói trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[5] Xét yêu cầu của ông N1 và bà X về việc xin trả dần số tiền nợ, Hội đồng xét xử nhận định: Giữa nguyên đơn và bị đơn không có thoả thuận về việc nguyên đơn đồng ý cho bị đơn trả dần. Tại phiên tòa, nếu các đương sự thoả thuận được phương án trả dần thì Hội đồng xét xử ghi nhận. Tuy nhiên, phía bị đơn không đưa ra được phương án trả nợ là trả mấy lần, ngày tháng trả, số tiền trả, nguyên đơn cũng không đồng ý cho bị đơn trả dần. Mặt khác, cách thức trả nợ một lần hay nhiều lần thuộc giai đoạn thi hành án. Do đó, yêu cầu này của ông N1 và bà X không có cơ sở xem xét.

[6] Xét về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị N được chấp nhận nên chị không phải chịu án phí, bị đơn ông N1 và bà X có nghĩa vụ liên

đổi chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật nhưng được miễn nộp do thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 430, 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn N1 và bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N số tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi heo tổng cộng là 175.209.000 (một trăm bảy mươi lăm triệu hai trăm lẻ chín nghìn) đồng và tiền lãi là 1.454.000 (một triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn N1 và bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ liên đới chịu là 8.833.000 (tám triệu tám trăm ba mươi ba nghìn) đồng nhưng được miễn nộp toàn bộ.

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Hồng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.383.000 (bốn triệu ba trăm tám mươi ba nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004768 ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sù (4b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (3b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Đinh Thị Kim Ngân